

GỎI 1 - Phụ lục 1 Danh mục “TSCĐ thu hồi chờ thanh lý, không cần dùng (có chất thải nguy hại)”

TT	TÊN TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Mã CTNH
I	Máy móc thiết bị			
1	MBA 37,5 kVA SN 151370248	Cái	1,00	17 03 05
2	MBA 37,5 kVA SN 151370200	Cái	1,00	17 03 05
3	MBA 37,5 kVA SN 151370191	Cái	1,00	17 03 05
4	MBA 37.5 KVA SN 10431394-22	Cái	1,00	17 03 05
5	MBA 37,5 kVA SN 151370190	Cái	1,00	17 03 05
6	MBA 37.5 KVA SN S03099643	Cái	1,00	17 03 05
7	MBA 37.5 KVA SN 01231962-22	Cái	1,00	17 03 05
8	MBA 37.5 KVA SN 00731548-22	Cái	1,00	17 03 05
9	MBA 37.5 KVA SN 40231215-22	Cái	1,00	17 03 05
10	MBA 37.5 KVA SN 20731913-22	Cái	1,00	17 03 05
11	MBA 1P 50 kVA SN 161500231	Cái	1,00	17 03 05
12	MBA 12,7/2x0,23kV 50kVA SN 171501012	Cái	1,00	17 03 05
13	MBA 12,7/2x0,23kV 50kVA SN 171501050	Cái	1,00	17 03 05
14	Máy biến áp 1P 50 kVA SN: 151501910	Cái	1,00	17 03 05
15	MBA 50 kVA 12,7/2x0,23kV SN: 3193062028	Cái	1,00	17 03 05
16	MBA 50 kVA 12,7/2x0,23kV SN: 3193062036	Cái	1,00	17 03 05
17	Máy biến áp 3P 50 KVA-22 kV DPL3 SN: 151502303	Cái	1,00	17 03 05
18	MBA 50 kVA 12,7/2x0,23kV SN: 2193062117	Cái	1,00	17 03 05
19	MBA 50 kVA SN 151500523	Cái	1,00	17 03 05
20	MBA 1P 12,7/0,23kV 50 kVA SGTN SN: 161505001	Cái	1,00	17 03 05
21	MBA 50 KVA trạm áp Nhì E SN 2203083360	Cái	1,00	17 03 05
22	MBA 1P 50 KVA SN S040613165	Cái	1,00	17 03 05
23	MBA 50 KVA SN 20651897-22	Cái	1,00	17 03 05
24	MBA 1P SGTN 50kVA-12,7/0,23kV Vô mạ kẽm SN: AM040318430	Cái	1,00	17 03 05
25	MBA 1P 50 KVA SN S04061361	Cái	1,00	17 03 05
26	MBA 1P 50 KVA SN 04071414	Cái	1,00	17 03 05
27	MBA 50 kVA SN 151500549	Cái	1,00	17 03 05
28	MBA 50 kVA SN 151500236	Cái	1,00	17 03 05
29	MBA 50 kVA SN 151500230	Cái	1,00	17 03 05
30	MBA 50 KVA SN 20951296-22	Cái	1,00	17 03 05
31	MBA 50 KVA SN 80551494-22	Cái	1,00	17 03 05
32	MBA 75 KVA SN S051209200	Cái	1,00	17 03 05
33	MBA 1P SGTN 75kVA-12,7/0,23kV SN: 171752629	Cái	1,00	17 03 05
34	Máy biến áp 1P 75 kVA SN : 151750639	Cái	1,00	17 03 05
35	MBA 1P 75kVA 12,7/0,23kV (SGTN) SN: 171752264	Cái	1,00	17 03 05
36	Máy biến áp 100KVA - SN S061113370	Cái	1,00	17 03 05
37	Máy biến áp 1P 100 kVA SN: 151000459	Cái	1,00	17 03 05
38	Máy biến áp 3 pha 160 KVA SN: 142160229	Cái	1,00	17 03 05
39	MBA 250 KVA SN 5021225085094	Cái	1,00	17 03 05
40	MBA 250 KVA SN 00723177-2	Cái	1,00	17 03 05
41	MBA 400 KVA SN AAY0834T	Cái	1,00	17 03 05
42	T3 GAC AISTHOM 40MVA 115/15,75KV SM PTE 1682/01	Cái	1,00	17 03 05
43	MAY RECLOSER 800A 27KV 12KA SN 20488	Cái	1,00	16 01 13

TT	TÊN TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Mã CTNH
44	Recloser 24kV 3P 630A SN: E11090221	Cái	1,00	16 01 13
45	MAY NGAT SF6-LBS 24KV-630ASN 5053-1	Cái	1,00	16 01 13
46	TU BU TRUNG THE 15KV 200KVAR SN 48484	Cái	1,00	16 01 13
47	RECLOSER 27KV 3P 630A SN CP 5801153	Cái	1,00	16 01 13
48	RECLOSER 24KV 3P 630A SN 11150035-2013	Cái	1,00	16 01 13
49	Recloser 24KV 3P 630A SN: PR 212110236	Cái	1,00	16 01 13
50	LBS 24KV 630A SN: PLS/16/0215	Cái	1,00	16 01 13
51	LBS 24KV 630A SN PLS/10/0279	Cái	1,00	16 01 13
52	RECLOSER 24KV 3P 630A SN 0102091-2014	Cái	1,00	16 01 13
II	Thiết bị điện tử, dụng cụ đo lường, dụng cụ quản lý			16 01 13
1	CONG TO MAU 3 PHA XACH TAY SN 34381 NAM 2008	Cái	1,00	16 01 13
2	DIEN KE MAU XACH TAY 3 PHA PWS 2.3 SN 25742 - P4	Cái	1,00	16 01 13
3	CONG TO MAU 3 PHA XACH TAY SN 34308 NAM 2008	Cái	1,00	16 01 13
4	Công tơ mẫu 3P SN 0612510 kèm đầu đọc SN 0612870	Cái	1,00	16 01 13
5	CONG TO MAU 3P XACH TAY - PEWM-3C SN 0411349	Cái	1,00	16 01 13
6	CONG TO MAU XACH TAY SN 20551 - KD	Cái	1,00	16 01 13
7	DIEN KE MAU 1P SN 25066	Cái	1,00	16 01 13
8	Công tơ chuẩn 3P cầm tay SN: 1365121286	Cái	1,00	16 01 13
9	MAY DO NHiet DO MOI NOI- DD 110KV TV-DH SN No: 2A557	Cái	1,00	16 01 13
10	Máy phân tích máy cắt (PME 500-TR, Spain) SN No: 104068	Cái	1,00	16 01 13
11	Máy đo nhiệt độ mối nối SN No: 14040884	Cái	1,00	16 01 13
12	Máy Photocopy Canon 2520 ThaiLan SN: RMM03433	Cái	1,00	16 01 13

GÓI 1 - Phụ lục 2 Danh mục “VTTB thu hồi chờ thanh lý, không cần dùng (có chất thải nguy hại)”

Số TT	Tên và quy cách vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng	Mã CTNH
I VTTB thu hồi hư hỏng, phế liệu (01 danh mục)					
1. Kho: OYL - VLO.TVI_OYL_Kho VTTB_Đội QLĐ Trà Vinh					
1	Tủ điều khiển tự bù + dây đầu nối	Bộ	1,00	Hư hỏng	16 01 13
II VTTB tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng (06 danh mục)					
1. Kho: OYD - VLO.TVI_OYD_Kho VTTB_Văn phòng Trà Vinh					
1	MBA 1 pha 12,7-8,6/0,23-0,46 kV 10kVA	Cái	3,00	Hư hỏng, không sửa chữa được (chí phí sửa chữa > 60% giá trị máy mới)	17 03 05
2	MBA 1P 10kVA - 8,6-12,7/0,23kV	Cái	3,00	Hư hỏng, không sửa chữa được (chí phí sửa chữa > 60% giá trị máy mới)	17 03 05
3	MBA 1 pha 12,7/0,23kV 15kVA	Cái	10,00	Hư hỏng, không sửa chữa được (chí phí sửa chữa > 60% giá trị máy mới)	17 03 05
4	MBA 1 pha 12,7/0,23kV 25kVA	Cái	27,00	Hư hỏng, không sửa chữa được (chí phí sửa chữa > 60% giá trị máy mới)	17 03 05
5	MBA 1 pha 12,7-8,6/0,22-0,44 kV 25kVA	Cái	2,00	Hư hỏng, không sửa chữa được (chí phí sửa chữa > 60% giá trị máy mới)	17 03 05
6	MBA 1 pha 12,7/0,23kV 37,5kVA	Cái	3,00	Hư hỏng, không sửa chữa được (chí phí sửa chữa > 60% giá trị máy mới)	17 03 05
III Điện kế điện tử tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật - công nghệ, không còn nhu cầu sử dụng - có chất thải nguy hại (21 danh mục)					
1. Kho: OYD - VLO.TVI_OYD_Kho VTTB_Văn phòng Trà Vinh					
1	Điện kế điện tử 1 pha 1 giá RF TT 5(80)A 220V CCX1 (gồm Module)	Cái	50,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật, công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
2	Điện kế điện tử 1 pha 1 giá RF TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	57,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
3	Điện kế điện tử 1 pha 3 giá 5(80)A 220V CCX1	Cái	420,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
4	Điện kế điện tử 1 pha 3 giá GT PLC 5(10)A 220V CCX1	Cái	25,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
5	Điện kế điện tử 1 pha GT 5(10A) 220V CCX1(không module)	Cái	169,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
6	Điện kế điện tử 1P 1 giá TT RF 5(60)A 220 CCX1	Cái	235,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
7	Điện kế điện tử 1P 1 giá TT RF 5(60)A 220 CCX1	Cái	87,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
8	Điện kế điện tử 1P 10(40)A 220V	Cái	4,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
9	Điện kế điện tử 1P 10(40)A 220V	Cái	2,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13

Số TT	Tên và quy cách vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng	Mã CTNH
10	Điện kế điện từ 1P 3 giá 5(10)A 220V	Cái	350,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
11	Điện kế điện từ 1P 3 giá RF 5(80)A 220V hai chiều giao nhận (ĐKĐ)	Cái	2,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
12	Điện kế điện từ 1P 5(15)A - 220V	Cái	221,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
13	Điện kế điện từ 1P 5(15)A - 220V	Cái	919,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
14	Điện kế điện từ 1P 5(15)A - 220V	Cái	326,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
15	Điện kế điện từ 1P 5(15)A - 220V	Cái	2.540,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
16	Điện kế điện từ 1P 5(20)A - 220V	Cái	68,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
17	Điện kế điện từ 1P 5(40)A 220V	Cái	109,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
18	Điện kế điện từ 1P 5(40)A 220V	Cái	103,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
19	Điện kế điện từ 1P GT 5(10)A 220V CCX1 (ĐKĐ)	Cái	2,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
20	Điện kế điện từ 1P RF 5(80)A	Cái	1.113,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13
21	Điện kế điện từ 3P 3 giá GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	8,00	Tồn kho ứ đọng, lạc hậu kỹ thuật-công nghệ không khả năng phục hồi, không có nhu cầu sử dụng	16 01 13

IV VTTB thu hồi hư hỏng, phế liệu - có chất thải nguy hại (148 danh mục)

1. Kho: OYF - VLO.TVI_OYF_Kho VTTH_Văn phòng Trà Vinh					
1	Board tủ điều khiển Recloser	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
2	Adapter DC 12V	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
3	MBA 1 pha 12,7/0,23kV 15kVA	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	17 03 05
4	MBA 1 pha 12,7/0,23kV 25kVA	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	17 03 05
5	Điện kế điện từ 3 pha các loại	Cái	89,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
6	Điện kế điện từ 3 pha các loại	Cái	132,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
7	Điện kế điện từ 1P thu hồi các loại	Cái	7,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
8	Điện kế điện từ 1P thu hồi các loại	Cái	321,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
9	Điện kế điện từ 1pha 2 dây - 1 giá TT.class1- 10(40)A 220V PLC	Cái	34,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
10	Đèn trên nón an toàn	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
11	Đèn pha	Cái	5,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
12	Đèn pha	Cái	10,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
13	Đèn led các loại	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
14	Đèn pin sạc thu hồi các loại	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
15	Đèn pin	Cây	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
16	Đèn pin đeo đầu	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
17	Bộ tập trung công nghệ PLC	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
18	Bộ tập trung (DCU)	Cái	8,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
19	Ổn áp	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
20	Giấy thải	Kg	1,03	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
21	Máy in các loại	Cái	7,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13

Số TT	Tên và quy cách vật tư, thiết bị	Đơn vi tính	Số lượng	Tình trạng	Mã CTNH
22	Chuột vi tính	Cái	9,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
23	Máy đếm tiền	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
24	Máy in kim A4	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
25	Máy fax các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
26	Ampli	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
27	Micro các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
28	Micro các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
29	Bộ test mạng	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
30	Máy in Bluetooth	Cái	18,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
31	Máy in laser A4	Cái	14,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
32	Máy in laser A4	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
33	Loa vi tính	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
34	Laptop	Cái	5,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
35	Laptop các loại	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
36	TV box mini	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
37	Ti vi các loại	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
38	Máy lạnh IHP	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
39	Pin máy laptop	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
40	Pin sạc	Cái	6,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
41	Máy soi tiền	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
42	Board máy lạnh	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
43	Board máy lạnh	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
44	Máy nước nóng, lạnh	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
45	Lọc dầu	Cái	6,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
46	Bộ chuyển nấc 1 pha	Cái	5,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
47	Bộ chuyển nấc 3 pha	Cái	9,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
48	Switch 8 port	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
49	Máy cưa cây	Bộ	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
50	Máy lạnh các loại	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
51	Máy lạnh phế liệu	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
52	Máy ảnh	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
53	Camera	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
54	CPU phế liệu	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
55	Remote tivi	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
56	Điện thoại các loại thu hồi	Cái	9,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
57	Điện thoại các loại thu hồi	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
58	Modem	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
59	Hub mạng	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
60	Ổ cứng	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
61	Ổ cứng HDD các loại	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
62	Bàn phím vi tính	Cái	8,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
63	Bàn phím vi tính	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
64	CPU máy vi tính	Cái	23,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
65	Màn hình máy vi tính	Cái	22,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
66	UPS (Bộ lưu điện)	Cái	23,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
67	UPS (Bộ lưu điện)	Cái	5,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
68	Điện thoại bàn	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
69	Điện thoại bàn	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
70	Điện thoại di động	Bộ	6,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
71	Điện thoại di động	Cái	32,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
72	Máy ghi âm	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
73	Module PLC cho công tơ 1 pha	Cái	245,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
74	Module GPRS cho bộ tập trung DCU	Cái	6,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
75	Module 3G/4G - DCU	Cái	8,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
76	Ampere kim hạ thế	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
77	Khoan sạc điện	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
78	Khoan pin cầm tay	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
79	Máy siết bu lông dùng pin	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
80	Đồng hồ đo Megômmet	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
81	Máy đo điện trở đất	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
82	Ampere kim đa năng hạ thế	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
83	Vạn năng kế	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13

Số TT	Tên và quy cách vật tư, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng	Mã CTNH
84	Terromet	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
85	USB 8GB	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
86	nhệt kế	Cái	11,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
87	Máy hàn	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
88	Máy Scan các loại	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
89	Máy Scan các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
90	Máy tính bảng	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
91	Máy nước nóng lạnh các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
92	Máy nước nóng, lạnh	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
93	Máy vi tính để bàn	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
94	Máy vi tính để bàn	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
95	Máy vi tính màn hình cảm ứng	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
96	Máy vi tính xách tay	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
97	Máy vi tính xách tay	Cái	5,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
98	Máy chiếu	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
99	Bộ thử điện phế liệu	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
100	Bộ thử điện trung hạ áp đèn còi	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
101	Bộ thử điện trung hạ áp (có đèn còi)	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
102	Bút thử điện hạ thế cảm ứng	Con	13,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
103	Thiết bị phát hiện điện áp	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
104	Máy in laser A4	Cái	2	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
105	Nguồn máy vi tính	Cái	1	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
106	UPS (Bộ lưu điện)	Cái	1	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
107	CPU phế liệu	Cái	2	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
108	Màn hình máy vi tính	Cái	4	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
109	Bàn phím vi tính	Cái	1	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
110	UPS (Bộ lưu điện)	Cái	1	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
2. Kho: OYG - VLO.TVI_OYG_Kho VTTH_Đội QLD Cầu Ngang					
111	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
112	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	12,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
113	Bộ tập trung công nghệ PLC	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
114	Module 3G/4G - DCU	Cái	7,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
3. Kho: OYH - VLO.TVI_OYH_Kho VTTH_Đội QLD Cầu Kè					
115	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	6,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
116	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	26,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
117	Máy lạnh 1,5HP	Bộ	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
118	Máy xịt rửa	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
119	UPS (Bộ lưu điện)	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
120	Ampere kim hạ thế	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
121	Bình nóng lạnh	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
4. Kho: OYI - VLO.TVI_OYI_Kho VTTH_Đội QLD Trà Cú					
122	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
5. Kho: OYJ - VLO.TVI_OYJ_Kho VTTH_Đội QLD Duyên Hải					
123	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
124	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	5,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
125	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	17,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
6. Kho: OYK - VLO.TVI_OYK_Kho VTTH_Đội QLD Tiểu Cần					
126	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
127	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	15,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
128	Điện thoại bàn	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
7. Kho: OYL - VLO.TVI_OYL_Kho VTTH_Đội QLD Trà Vinh					
129	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	16,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
130	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	57,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
131	Điện kế điện tử 1pha 2 dây - 1 giá TT,class1- 10(40)A 220V PLC	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
132	Bộ tập trung công nghệ PLC	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
133	Module PLC cho công tơ 1 pha	Cái	56,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
134	Module 3G/4G - DCU	Cái	14,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
8. Kho: OYM - VLO.TVI_OYM_Kho VTTH_Đội QLD Càng Long					
135	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	9,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
136	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	19,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
137	Điện kế điện tử 3P 5(6)A 57.5-240V	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13

Số TT	Tên và quy cách vật tư, thiết bị	Đơn vi tính	Số lượng	Tình trạng	Mã CTNH
138	Điện kế điện từ 1P thu hồi các loại	Cái	8,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
139	Điện kế điện từ 1P thu hồi các loại	Cái	39,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
9. Kho: OYN - VLO.TVI_OYN_Kho VTTH_Đội QLD Châu Thành					
140	Điện kế điện từ 3 pha các loại	Cái	11,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
141	Điện kế điện từ 1P thu hồi các loại	Cái	17,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
10. Kho: OYO - VLO.TVI_OYO_Kho VTTH_Đội QLD Ngũ Lạc					
142	Điện kế điện từ 3 pha các loại	Cái	4,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
143	Công tơ điện từ 1P thu hồi các loại	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
144	Điện kế điện từ 1P thu hồi các loại	Cái	3,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
145	Đèn led các loại	Cái	6,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
146	Thiết bị ghi âm điện thoại 2 line	Bộ	1,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
11. Kho: OYP - VLO.TVI_OYP_Kho VTTH_Trung tâm TNĐ Trà Vinh					
147	Vạn năng kế	Cái	2,00	Hư hỏng, phế liệu	16 01 13
12. Kho: OYQ - VLO.TVI_OYQ_Kho VTTH_XNLD Cao Thế Trà Vinh					
148	Lọc nhớt	Cái	1,00	Hư hỏng, phế liệu	18 02 01
V Chất thải nguy hại (01 danh mục)					
149	Các loại pin, ắc qui khác	Kg	524,98		19 06 05

